

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01/6/2023

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bá

Bà Nguyễn Thị Đầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1970 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Huang, Tien - T, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Quốc tịch: Đài Loan.

Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 06/6/2022, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc C trình bày:

Năm 2019, bà và ông Huang, Tien - T kết hôn trên cơ sở tự nguyện theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08 ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, bà dự định sẽ sang Đài Loan chung sống cùng với ông Huang, Tien - T. Tuy nhiên, sau khi nghĩ lại thì

bà cảm thấy tuổi tác mình đã cao, vấn đề sức khỏe cũng không đảm bảo cho việc đi xa. Đồng thời cùng với việc ở nơi đất khách quê người, bà lại giao tiếp bằng tiếng Đài Loan không rành nên rất bất tiện cho việc sinh hoạt cũng như làm ăn, học tập. Chính vì thế, bà quyết định ở lại Việt Nam sinh sống. Còn về phần ông Huang, Tien - T, do tính chất công việc của ông bên Đài Loan nên ông cũng không thể về Việt Nam để chung sống cùng với bà. Vì không thể thỏa thuận được nơi sống chung của vợ chồng, kể từ khi làm giấy đăng ký kết hôn xong, ông Huang, Tien - T về Đài Loan nên ông bà không còn gặp mặt nhau cho đến nay. Trong giai đoạn đầu sau khi kết hôn, ông bà có nói chuyện, hỏi thăm nhau qua tin nhắn nhưng về sau thì không còn liên lạc, hỏi thăm với nhau nữa. Xuất phát từ tình trạng hôn nhân như trên, bà nhận thấy rằng bà và ông Huang, Tien - T đều không thể thực hiện nghĩa vụ vợ, chồng với nhau như thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình hay sống chung với nhau. Đến nay, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Huang, Tien - T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Huang, Tien - T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án theo địa chỉ ghi nhận tại Giấy đăng ký kết hôn số 08 ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, theo Văn bản 3100/BTP-PLQT ngày 25/11/2022 của Bộ Tư pháp thì Cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan không thực hiện được việc ủy thác tư pháp do địa chỉ không chính xác. Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã yêu cầu Đại sứ quán Việt Nam tại Đài Loan thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ Quán về việc thụ lý vụ án và Đại sứ quán đã có công điện phúc đáp về Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang vào ngày 10/4/2023. Đến nay Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang vẫn chưa nhận được bản tự khai trình bày ý kiến của ông Huang, Tien - T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, cho bà C được ly hôn với ông Huang, Tien - T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà C trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Được xác định là tranh chấp “Xin ly hôn” theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn bà C có quốc tịch Việt Nam, hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Tiền Giang; bị đơn ông Huang, Tien - T có quốc tịch Đài Loan, cư trú tại Đài Loan nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C có đơn xin vắng mặt, ông Huang, Tien - T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án bằng hình thức thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Đài Loan theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc C Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc C và ông Huang, Tien - T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 02 tháng 7 năm 2019 nên quan hệ hôn nhân của bà C và ông Huang, Tien - T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà C trình bày: Sau khi kết hôn, bà dự định sẽ sang Đài Loan chung sống cùng với ông Huang, Tien - T. Tuy nhiên, do bà cảm thấy tuổi tác mình đã cao, vấn đề sức khỏe cũng không đảm bảo cho việc đi xa, đồng thời bà không thể giao tiếp bằng tiếng Đài Loan nên bà quyết định ở lại Việt Nam sinh sống. Còn ông Huang, Tien - T thì trở về Đài Loan sinh sống và làm việc từ khi kết hôn cho đến nay. Thời gian đầu ông bà còn liên hệ qua điện thoại, hỏi thăm nhau qua

tin nhắn nhưng về sau thì không còn liên lạc với nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông Huang, Tien – T.

Xét thấy, yêu cầu của bà C là có căn cứ, phù hợp pháp luật bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....”* nhưng từ khi kết hôn ông Huang, Tien - T về Đài Loan sinh sống cho đến nay và ông cũng không còn liên lạc với bà C, vợ chồng ông bà sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà C yêu cầu được ly hôn với ông Huang, Tien - T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc C.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ngọc C ly hôn với ông Huang, Tien – T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà C trình bày không có.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000221 ngày 23/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Ngọc C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án

nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Đối với ông Huang, Tien - T, thời hạn kháng cáo là 01 tháng tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thơ